## **ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 6. CÔNG NGHỆ GIỐNG THỦY SẢN (1 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức và năng lực công nghệ**

- Hiểu và trình bày được những kiến thức đã học về vai trò của giống, đặc điểm sinh sản, kĩ thuật ương cá, tôm giống và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản.

**2. Năng lực chung**

* *Năng lực tự chủ và tự học* : Chủ động tự tìm hiểu thêm các nội dung liên quan kiến thức bài học.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Tích cực hợp tác, làm việc nhóm thảo luận câu hỏi, hệ thống lại kiến thức đã học…để trình bày, chia sẻ ý tưởng, báo cáo kết quả học tập.
* *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo*: Tìm tòi, sáng tạo, giải quyết các vấn đề xảy ra trong quá trình làm việc và học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thứ về giống thủy sản vào thực tiễn.

- Yêu thích với hoạt động thủy sản.

- Giúp đỡ, chia sẽ với bạn bè khi hợp tác, thảo luận

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

* SGK, SGV, Giáo án.
* Máy tính, máy chiếu
* Sơ đồ khối hệ thống kiến thức chủ đề 6.

**2. Đối với học sinh**

* SGK, vở ghi
* Hệ thống lại kiến thức đã học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Gợi mở cho HS nhớ lại các kiến thức đã học trong chủ đề 6.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS suy nghĩ trả lời.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi, lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi : *Trong chủ đề 6, em đã được tìm hiểu những nội dung gì ? Hãy liệt kê lại những nội dung em đã được học.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3, 4: Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV ghi nhận các câu trả lời của HS, chưa vội kết luận đúng sai, sẽ để HS xác nhận lại sau khi học xong bài học.

- GV dẫn dắt vào bài học: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các nội dung trong chủ đề 6. Giới thiệu chung về chăn nuôi.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày và giải thích được các nội dung đã học trong chủ đề 6.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành sơ đồ theo mẫu trang 84.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ đã hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ trong SGK và điền vào các nội dung còn thiếu theo nhóm :

* *Nhóm 1,2 : Bài 14 sgk*
* *Nhóm 3,4: Bài 15 sgk*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm HS trả lời.

**Bài 14. Vai trò của giống và ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản**

***-* Vai trò của giống trong nuôi thủy sản*:***

*+ Giống thủy sản quyết định năng suất và chất lượng sản phẩm nuôi trồng.*

***-* Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thủy sản:**

+ Sử dụng công nghệ chỉ thị phân tử trong chọn giống thủy sản.

+ Sử dụng các loại hormon sinh sản đã được sinh tổng hợp trong nhân giống thủy sản.

+ Sử dụng công nghệ tạo con giống đơn bội và đa bội trong tạo giống thủy sản

**Bài 15. Đặc điểm sinh sản và kĩ thuật ương, nuôi cá, tôm giống**

***- Đặc điểm sinh sản***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Cá** | **Tôm** |
| 1. Tuổi thành thục | Phụ thuộc chủ yếu vào tuổi, khác nhau tuỳ theo loài, giới tính.   * Cá rô phi: 4 đến 6 tháng tuổi. * Cá chép: 12 đến 18 tháng tuổi. * Cá tra đực : 24 tháng tuổi; cá tra cái khoảng 36 tháng tuổi. | Xác định dựa vào tuổi và khối lượng cơ thể:   * Tôm sú: 8 tháng tuổi (90 g ở con đực, 100 g con cái). * Tôm thẻ chân trắng: 10 tháng tuổi (40 g ở con đực, 45 g ở con cái). |
| 2. Mùa sinh sản | Mùa có điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của phôi và cá con.   * Miền Bắc: cuối mùa xuân, đầu mùa hè (tháng 3, 4). * Miền Nam: đầu mùa mưa   (tháng 5). | Mùa sinh sản khác nhau tuỳ loài.   * Tôm sú đẻ quanh năm, tập trung tháng 3–4 và tháng 7–10. * Tôm thẻ chân trắng: từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau. |
| 3. | Phần lớn đẻ trứng, thụ tinh | Sinh sản bằng hình thức giao vĩ và đẻ |
| Phương | ngoài trong môi trường nước. | trứng. |
| thức |  | – Tôm nước ngọt: trứng sau khi đẻ |
| sinh |  | được các lông tơ ở chân bụng của tôm |
| sản |  | mẹ giữ lại đến khi nở thành ấu trùng. |
|  |  | – Đa số tôm nước mặn: trứng sau khi |
|  |  | thụ tinh sẽ được phóng thích ra môi |
|  |  | trường nước. |
| 4. Điều | Quá trình sinh sản của đa số loài | Trong tự nhiên một số loài tôm có tập |
| kiện | cá chịu ảnh hưởng của nhiệt độ, | tính di cư sinh sản. |
| sinh | độ mặn, oxygen hoà tan, dòng |  |
| sản | chảy, thức ăn,... |  |
| 5. Sức sinh sản | Sức sinh sản cao. | Sức sinh sản của tôm tuỳ thuộc vào loài, kích cỡ, tình trạng sức khoẻ và điều kiện sống |

***- Kĩ thuật ương nuôi cá giống***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Ương nuôi cá bột lên cá hương** | **Ương nuôi cá hương lên cá giống** |
| Chuẩn bị ao nuôi | * Ao nhỏ hoặc vừa (500 m2 đến 2000 m2), sâu từ 1,2 m đến 1,5 m; cải tạo theo đúng kĩ thuật. * Thả cá trong vòng 5 đến 7 ngày sau   khi lấy nước vào ao. | Ao 1 000 m2 đến 2 000 m2, sâu từ 1,2 m đến 1,5 m; cải tạo theo đúng kĩ thuật. |
| Lựa chọn, thả giống | * Chọn cá: đã tiêu hết noãn hoàng, có khả năng tự bơi. * Thời vụ thả:   + Miền Bắc: tháng 2 đến tháng 5 và tháng 7 đến tháng 9.  + Miền Nam: ương nuôi quanh năm, tập trung mùa mưa.   * Thả giống: vào sáng sớm hoặc chiều mát; mật độ 100 đến 250 con/m2. | * Chọn cá cỡ dài khoảng 0,7–7 cm tuỳ loài. * Thời vụ thả:   + Miền Bắc: tháng 2 đến tháng 6 và tháng 8 đến tháng 10.  + Miền Nam: ương nuôi quanh năm.   * Thả giống: vào sáng sớm hoặc chiều mát; mật độ 10 đến 20   con/m2. |
| Chăm sóc và quản lí | * Cho ăn phù hợp, theo dõi môi trường và sức khoẻ cá * Định kì sử dụng chế phẩm sinh học theo hướng dẫn | * Theo dõi môi trường và sức khoẻ cá * Sử dụng thức ăn có độ đạm cao, lượng thức ăn hàng ngày theo tỉ lệ khối lượng thức ăn/   khối lượng cá trong ao. |
| Thu hoạch | * Nuôi khoảng 25 ngày thì thu hoạch. * Ngừng cho ăn từ 1 đến 2 ngày trước khi thu. * Thu hoạch vào sáng sớm hoặc chiều mát; dùng lưới mắt nhỏ, thu   dần, thao tác nhẹ. | * Nuôi khoảng 25 ngày thì thu hoạch. * Ngừng cho ăn từ 1 đến 2 ngày trước khi thu. * Thu hoạch vào sáng sớm hoặc chiều mát; dùng lưới mắt nhỏ, thu dần, thao tác nhẹ. |

- Kỹ thuật nuôi tôm giống:

+ Chuẩn bị bể 🡪 chọn và thả giống 🡪 chăm sóc, quản lí 🡪 thu hoạch.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng lí thuyết đã học vào hoàn thành các bài tập.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** đáp ánbài tập phần Luyện tập SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm, 7 nhóm lên bốc thăm và mỗi nhóm hoàn thành 1 câu hỏi từ câu 1 đến câu 7.

- Gv hướng dẫn: Các nhóm bốc thăm và thảo luận, trình bày kết quả lên bảng phụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ, trình bày kết quả thảo luận ra bảng phụ hoặc giấy A0.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, chuẩn đáp án phần luyện tập.

**Câu 1:** Hãy nêu vai trò của giống trong nuôi trồng thủy sản?

*Gợi ý trả lời: Mục 1.2 trang 73,74 SGK*

**Câu 2:** Trình bày ứng dụng CNSH trong tạo, chọn và nhân giống thủy sản.

*Gợi ý trả lời: Mục 2 trang 74- 77 SGK*

**Câu 3:** Hãy nêu đặc điểm sinh sản của cá và tôm.

*Gợi ý trả lời: Mục 1 trang 78-80 SGK*

**Câu 4:** Trình bày kĩ thuật ương, nuôi cá và tôm giống.

*Gợi ý trả lời: Mục 2 trang 80-83 SGK*

**Câu 5:** Vì sao cá cần được luyện, ép trước khi đánh bắt, vận chuyển?

*Gợi ý trả lời:* Cá cần được luyện, ép để loại bỏ chất thải trong ống tiêu hóa và quen với điều kiện thiếu dưỡng khí trước vận chuyển, tránh hiện tượng chết hàng loạt.

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học trong chủ đề 6

- Hoàn thành bài tập phần luyện tập và ứng dụng chưa xong vào vở.

- Đọc và tìm hiểu trước *bài* 16 *– Thành phần dinh dưỡng của thức ăn thủy sản.*

*Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com*

*https://www.vnteach.com*